



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 4 (2018): 140-147

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 4 (2018): 140-147

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 01-02-2018; ngày nhận bài sửa: 14-3-2018; ngày duyệt đăng: 20-4-2018

TÓM TẮT

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên (SV) cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Việc nhận biết và phát huy những yếu tố tích cực nhằm có kết quả học tập tốt hơn là thực sự cần thiết đối với SV khi học tập trong hệ thống tín chỉ. Bài báo này nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến điểm trung bình (ĐTB) học tập của SV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM), từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp SV học tập đạt kết quả tốt hơn.

Từ khóa: đánh giá, nhân tố ảnh hưởng, điểm trung bình học tập.

ABSTRACT

*Assessing the influential factors on students' grade point average
at Ho Chi Minh City University of Education*

There have been a wide variety of positive and negative factors affecting students' average academic grade point. It is a vital fact that the beneficial elements should be acknowledged and enhanced to ensure students' better grade point in the credit system. This study evaluates the influential factors on students' average grade point at HCM University of Education and then proposes the solution for better students' performance.

Keywords: assessment, influential factors, grade point average.

1. Đặt vấn đề

Ở các trường đại học hiện nay, với hình thức đào tạo theo tín chỉ thì ĐTB học tập là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đánh giá kết quả học tập của SV sau mỗi học kỳ và toàn khóa học. Kết quả của các học kỳ sẽ quyết định việc xếp loại học lực và tấm bằng mà họ đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo của nhà trường. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của mỗi SV. Liên quan đến vấn đề trên, một số tác giả có quan điểm cho rằng việc đi thư viện để đọc sách, nghiên cứu thêm tài liệu, là phương pháp phổ biến nhất cho việc tự học (Lương Văn Kiên, 2016). Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực tự học SV cần cố gắng tập trung nghe giảng trên lớp để tăng hiệu suất tiếp thu và không nên nghỉ học (Phạm Thị Thanh Hằng, 2014). Việc đi làm thêm giúp SV có thể trang trải kinh phí học tập, để tích lũy kinh nghiệm trong học tập cũng như trong cuộc sống (Huỳnh Kim Anh, 2015). Các bài viết trên đã đề cập một số yếu tố tác động đến quá trình học tập của SV; tuy nhiên, chưa có bài viết nào đi sâu để phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng

* Email: quynhtrang.dhsp@gmail.com

đến ĐTB học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM. Qua quá trình giảng dạy tại Trường ĐHSP TPHCM, chúng tôi nhận thấy nhiều SV vẫn còn lúng túng trong việc làm thế nào để có thể đạt được kết quả học tập tốt nhất, chưa xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến ĐTB học tập cũng như chưa đánh giá được yếu tố nào ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến ĐTB học tập của mình. Trước thực tế đó, việc đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến ĐTB học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM nhằm đưa ra những kết luận, giải pháp giúp SV học tập hiệu quả và nâng cao kết quả học tập là yêu cầu cần thiết.

2. Thể thức và kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp tiếp cận lí luận từ thực tiễn, qua tham khảo ý kiến và trao đổi với cán bộ quản lí, cán bộ giảng dạy và các SV, chúng tôi xác định các yếu tố ban đầu có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV. ĐTB học tập bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố, trong đó có một số yếu tố quan trọng như sự nỗ lực trong học tập của bản thân SV thể hiện qua thời gian đi học, tự học, tham gia hoạt động ngoại khóa, thời gian đến thư viện để học và nghiên cứu thêm tài liệu... Ngoài ra, các yếu tố khác như thời gian nghỉ ngơi, giải trí, đi chơi, văn nghệ, thể thao... cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến ĐTB học tập.

Dựa trên các thông tin này, chúng tôi lập phiếu khảo sát để thu thập số liệu sơ cấp từ 150 SV Trường ĐHSP TPHCM. Để nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ĐTB học tập của SV, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên kết quả thu thập được từ phiếu khảo sát, từ đó thiết lập mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV như sau:

Y: ĐTB học tập của SV học kì trước;

X₂: Số giờ tự học mỗi ngày;

X₃: Số giờ lên mạng giải trí mỗi ngày;

X₄: Số buổi nghỉ học cả kì;

X₅: Số giờ làm thêm mỗi ngày;

X₆: Số giờ ngủ mỗi ngày;

D₇: Thường xuyên đi thư viện;

D₈: Tham gia hoạt động ngoại khóa.

Lập mô hình hồi quy: Với mẫu số liệu như trên, các biến độc lập bao gồm cả biến định lượng và biến định tính nên mô hình hồi quy biểu hiện mối quan hệ giữa biến phụ thuộc Y vào các biến độc lập X₂, X₃, X₄, X₅, X₆, D₇, D₈ có dạng như sau (Hoàng Ngọc Nhậm, 2008):

$$Y = \beta_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 D_7 + \beta_8 D_8 + U$$

2.2. Kết quả nghiên cứu

Một số kiểm định: Ước lượng mô hình với các số liệu thu thập được bằng phần mềm Stata, thu được kết quả như sau:

```
. reg diemtrungbinh sogiotuhoc sogiolenmang sobuoinghihoc sogiolamthem sogiongu dithuvien thamgia
> hoatdongngoai khoa
```

Source	SS	df	MS			
Model	33.0325716	7	4.71893879	Number of obs =	150	
Residual	5.94317835	142	.041853369	F(7, 142) =	112.75	
Total	38.9757499	149	.261582214	Prob > F	= 0.0000	
				R-squared	= 0.8475	
				Adj R-squared	= 0.8400	
				Root MSE	= .20458	

diemtrungbinh	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]	
sogiotuhoc	.0789465	.024162	3.27	0.001	.0311828	.1267102
sogiolenmang	-.108758	.0214935	-5.06	0.000	-.1512467	-.0662694
sobuoinghihoc	-.0399095	.0170995	-2.33	0.021	-.073712	-.006107
sogiolamthem	-.0507653	.0163414	-3.11	0.002	-.0830691	-.0184614
sogiongu	-.0853478	.0272965	-3.13	0.002	-.1393078	-.0313878
dithuvien	.1409568	.0488171	2.89	0.004	.0444546	.2374589
thamgiahoatdongngoai khoa	-.1516967	.0400506	-3.79	0.000	-.2308691	-.0725243
_cons	3.695208	.2744259	13.47	0.000	3.152719	4.237696

Giải thích kết quả thu được trên Stata:

Biến phụ thuộc *diemtrungbinh*: ĐTB học tập học kì trước của SV Trường ĐHSP TPHCM.

Các biến độc lập:

sogiotuhoc: Thời gian tự học mỗi ngày (giờ)

sogiolenmang: Thời gian lên mạng giải trí mỗi ngày (giờ)

sobuoinghihoc: Số buổi nghỉ học của học kì (buổi)

sogiolamthem: Số giờ làm thêm mỗi ngày (giờ)

sogiongu: Số giờ ngủ mỗi ngày (giờ)

dithuvien: Biến giả (1/0) với 1 là có thường xuyên lên thư viện để học và nghiên cứu thêm tài liệu

thamgiahoatdongngoai khoa: Biến giả (1/0) với 1 là có tham gia hoạt động ngoại khóa

_cons: hệ số tự do (hằng số) trong mô hình

Coef: là các tham số của mô hình hồi quy

Std.Err: là sai số chuẩn của từng tham số

t: giá trị kiểm định t cho từng tham số

P> |t|: giá trị P – value cho từng tham số

[95% Conf. Interval]: là khoảng giá trị với độ tin cậy 95% cho từng tham số

Theo kết quả trên, ta thấy:

R-squared (R^2) = 0.8475 => mối quan hệ hồi quy khá chặt chẽ, các yếu tố: số giờ tự học trung bình mỗi ngày ở nhà, số giờ lên mạng giải trí mỗi ngày, số buổi nghỉ học cả kì,

số giờ làm thêm, số giờ ngủ mỗi ngày, việc có thường xuyên lên thư viện để học, nghiên cứu thêm tài liệu hay không và việc tham gia hoạt động ngoại khóa đã giải thích được 84,75% sự thay đổi của ĐTB học tập một kì học của SV.

❖ **Kiểm định hệ số xác định của mô hình**

Giả thuyết: $H_0: R^2 = 0$; Độ tin cậy 95%

$H_1: R^2 \neq 0$

Theo kết quả, ta có P-value = 0.000 < 0.05 => bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1 => $R^2 \neq 0$ có ý nghĩa. Vậy, mô hình thật sự phù hợp với mẫu nghiên cứu.

❖ **Kiểm định hệ số hồi quy**

- *Kiểm định β_2 (kiểm định số giờ tự học mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV không với độ tin cậy 95%)*

$H_0: \beta_2 = 0$ (X_2 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_2 \neq 0$ (X_2 có tác động đến Y)

Theo kết quả trên stata, ta có P-value của biến $X_2 = 0.001 < \alpha$ => Bác bỏ H_0 . Vậy số giờ tự học mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

- *Kiểm định β_3 (kiểm định số giờ lên mạng giải trí mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV không với độ tin cậy 95%)*

$H_0: \beta_3 = 0$ (X_3 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_3 \neq 0$ (X_3 có tác động tới Y)

Theo kết quả trên stata, ta có P-value của biến $X_3 = 0.000 < \alpha$ => bác bỏ H_0 . Vậy số giờ lên mạng giải trí mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

- *Kiểm định β_4 (kiểm định số buổi nghỉ học cả kì có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV hay không với độ tin cậy 95%)*

$H_0: \beta_4 = 0$ (X_4 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_4 \neq 0$ (X_4 có tác động đến Y)

Theo kết quả, ta có P-value của biến $X_4 = 0.021 < \alpha$ => bác bỏ H_0 . Vậy số buổi nghỉ học cả kì có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

- *Kiểm định β_5 (kiểm định số giờ làm thêm mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV hay không với độ tin cậy 95%)*

$H_0: \beta_5 = 0$ (X_5 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_5 \neq 0$ (X_5 có tác động đến Y)

Theo kết quả trên stata, ta có P-value của biến $X_5 = 0.002 < \alpha$ => bác bỏ H_0 . Vậy số giờ làm thêm mỗi ngày thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

- *Kiểm định β_6 (kiểm định số giờ ngủ mỗi ngày có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV hay không với độ tin cậy 95%)*

$H_0: \beta_6 = 0$ (X_6 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_6 \neq 0$ (X_6 có tác động đến Y)

Theo kết quả trên stata, ta có P-value của biến $X_6 = 0.002 < \alpha \Rightarrow$ bác bỏ H_0 . Vậy số giờ ngủ mỗi ngày thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

▪ **Kiểm định β_7** (kiểm định việc đi thư viện thường xuyên có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV hay không với độ tin cậy 95%)

$H_0: \beta_7 = 0$ (D_7 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_7 \neq 0$ (D_7 có tác động đến Y)

Theo kết quả, ta có P-value của biến $D_7 = 0.004 < \alpha \Rightarrow$ bác bỏ H_0 . Vậy việc đi thư viện thường xuyên thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

▪ **Kiểm định β_8** (kiểm định việc tham gia hoạt động ngoại khóa có thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV hay không với độ tin cậy 95%)

$H_0: \beta_8 = 0$ (D_8 không thực sự tác động đến Y)

$H_1: \beta_8 \neq 0$ (D_8 có tác động đến Y)

Theo kết quả trên stata, ta có P-value của biến $D_8 = 0.000 < \alpha \Rightarrow$ bác bỏ H_0 . Vậy việc có tham gia hoạt động ngoại khóa thực sự tác động đến ĐTB học tập của SV.

❖ **Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến:** Dùng nhân tử phóng đại phương sai để kiểm định đa cộng tuyến

```
. vif
```

Variable	VIF	1/VIF
sobuoinghi~c	4.13	0.242294
sogiotuhoc	3.56	0.280912
sogiolenmang	3.50	0.285932
sogiolamthem	2.66	0.375425
dithuvien	1.70	0.589478
thamgiahoa~a	1.44	0.696291
sogiongu	1.36	0.735616
Mean VIF	2.62	

Theo kết quả báo cáo trên stata, Mean VIF = 2.62 < 10 \Rightarrow đa cộng tuyến yếu, không nghiêm trọng.

❖ **Kiểm định phương sai thay đổi bằng kiểm định Breusch_Pagan**

```
. estat hettest

Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity
Ho: Constant variance
Variables: fitted values of diemtrungbinh

chi2(1)      =    0.04
Prob > chi2  =    0.8439
```

Theo kết quả, ta thấy $\text{Prob} > \chi^2 = 0.8439 > 0.05 \Rightarrow$ chấp nhận H_0 . Vậy chưa phát hiện phương sai thay đổi.

Từ kết quả nghiên cứu, ta có phương trình hồi quy của mô hình:

$$Y = 3.6952 + 0.0789X_2 - 0.1087X_3 - 0.0399X_4 - 0.0507X_5 - 0.0853X_6 + 0.1409D_7 - 0.1516D_8 + U.$$

Phân tích ý nghĩa của các tham số trong mô hình:

- $\beta_2 = 0.0789$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi học thêm 1 giờ mỗi ngày ở nhà thì ĐTB cuối kì sẽ tăng thêm 0.0789.
- $\beta_3 = -0.1087$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thêm 1 giờ lên mạng giải trí mỗi ngày thì ĐTB cuối kì sẽ giảm đi 0.1087.
- $\beta_4 = -0.0399$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi nghỉ thêm một buổi học trong học kì thì ĐTB học tập cuối kì sẽ giảm 0.0399.
- $\beta_5 = -0.0507$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thời gian làm thêm tăng 1 giờ mỗi ngày thì ĐTB học tập cuối kì sẽ giảm 0.0507.
- $\beta_6 = -0.0853$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi thời gian ngủ tăng 1 giờ mỗi ngày thì ĐTB học tập cuối kì sẽ giảm 0.0853.
- $\beta_7 = 0.1409$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, những SV chăm chỉ thường xuyên lên thư viện để học và nghiên cứu thêm tài liệu vào mỗi tuần sẽ có ĐTB cuối kì cao hơn những SV không lên thư viện 1 lượng là 0.1409.
- $\beta_8 = -0.1516$ cho biết với điều kiện các yếu tố khác không đổi, những SV có tham gia hoạt động ngoại khóa sẽ có ĐTB cuối kì thấp hơn những SV không tham gia hoạt động ngoại khóa 1 lượng là 0.1516.

3. Kết luận và đề xuất

3.2. Kết luận

- Dựa vào sự kiểm định các hệ số hồi quy, kết quả trên cho thấy các yếu tố: số giờ tự học, số giờ lên mạng, số buổi nghỉ học, số giờ làm thêm, số giờ ngủ, việc đi thư viện, tham gia hoạt động ngoại khóa mà tác giả đã đề cập đều thực sự ảnh hưởng đến ĐTB học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM.

- Việc phân tích ý nghĩa của các tham số trong mô hình hồi quy (β_2 và β_7 có giá trị dương và $\beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_8$ có giá trị âm) đã làm rõ các yếu tố: số giờ tự học, thường

xuyên đi thư viện có ảnh hưởng tích cực, còn các yếu tố số giờ lên mạng, số buổi nghỉ học, số giờ làm thêm, số giờ ngủ, tham gia hoạt động ngoại khóa có ảnh hưởng tiêu cực đến ĐTB học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM.

- Kết quả trên stata $\beta_8 = -0.1516$ đã thể hiện việc tham gia hoạt động ngoại khóa ảnh hưởng nhiều nhất đến ĐTB học tập của SV Trường ĐHSP TPHCM. Nhưng việc tham gia hoạt động này lại ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập. Điều này có thể lí giải là do SV chưa lựa chọn được những hoạt động ngoại khóa phù hợp, thiết thực với chuyên ngành học tập của mình và cũng chưa phát huy được hiệu quả khi tham gia hoạt động ngoại khóa nên gây mất thời gian, ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập.

- Với hình thức đào tạo theo tín chỉ trong chương trình đào tạo ở các trường đại học hiện nay, việc dành nhiều thời gian tự học ở nhà và thường xuyên đi thư viện nghiên cứu tài liệu, trau dồi kiến thức giúp SV Trường ĐHSP TPHCM đạt được kết quả học tập tốt hơn.

- Nhiều SV đã lạm dụng sự phát triển của công nghệ thông tin, mất khá nhiều thời gian để giải trí trên mạng internet, điều này cũng ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập. Một số SV Trường ĐHSP TPHCM có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bên cạnh việc đi học còn phải đi làm thêm. Tuy nhiên, có nhiều SV chưa biết sắp xếp thời gian hợp lí giữa việc học và đi làm thêm. Đa phần công việc là bán thời gian nhưng cũng làm tiêu tốn khá nhiều thời gian. Chính vì vậy, quỹ thời gian phân bổ cho việc học sẽ bị giảm sút. Ngoài ra, công việc sẽ làm cho các bạn SV mệt mỏi và khó tập trung tiếp thu bài giảng trên lớp. Điều này làm ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập. Bên cạnh đó, nghỉ học cũng là một thói quen xấu của nhiều SV, nghỉ học sẽ làm giảm kết quả học tập vì lượng kiến thức tiếp thu không liên tục và có thể bỏ qua nhiều kiến thức quan trọng, không tích lũy được đầy đủ điểm quá trình thông qua việc tham gia các hoạt động trên lớp.

3.3. Đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đưa ra một số đề xuất nhằm giúp SV Trường ĐHSP TPHCM có thể cải thiện và nâng cao kết quả học tập:

- Do môi trường đại học khác xa với môi trường phổ thông, đa số SV học xa nhà, xã hội có nhiều sự cám dỗ... vì vậy, để đạt được kết quả học tập tốt, điều quan trọng là SV phải tự giác học tập; phải xác định rõ mục tiêu học tập, xây dựng thời gian biểu hợp lí giữa các môn học, hình thức tự học, cố gắng tập trung nghe giảng trên lớp, hạn chế việc nghỉ học.

- SV cần xác định phương pháp học tập phù hợp. Nếu có phương pháp học đúng đắn thì SV sẽ đạt được kết quả cao hơn và có hứng thú hơn với việc học. SV nên sắp xếp thời gian rảnh rỗi lên thư viện để đọc sách, nghiên cứu thêm tài liệu; tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ ích, phù hợp với chuyên ngành của mình.

- SV phải sắp xếp thời gian hợp lý để cân đối giữa học tập, làm việc và giải trí để quá trình làm việc đạt hiệu quả cao hơn.
- Giảng viên cần tạo điều kiện, hỗ trợ SV trong quá trình tự học, nên phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy để tạo sự hứng thú cho SV, giúp SV tích cực tham gia xây dựng bài học và nâng cao ý thức tự học.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huỳnh Kim Anh. (2015). Sinh viên đi làm thêm lợi hay hại?, truy cập ngày 20/12/2017, <https://www.kgtec.edu.vn/sinh-vien-can-biet-tu-van-sinh-vien/1080-sinh-vien-di-lam-them-loi-hay-hai>
- Phạm Thị Thanh Hằng. (2014). Giải pháp giúp sinh viên nâng cao năng lực tự học, truy cập ngày 24.1.2018, <https://baomoi.com/giai-phap-giup-sinh-vien-nang-cao-nang-luc-tu-hoc/c/13317348.epi>
- Lương Văn Kiên. (2016). Vai trò của thư viện trong việc phát triển tự học trong sinh viên, truy cập ngày 14/1/2018, <http://utt.edu.vn/library/thu-vien/vai-tro-cua-thu-vien-trong-viec-phat-trien-tu-hoc-trong-sinh-vien-a4066.html>
- Hoàng Ngọc Nhậm. (2008). *Giáo trình Kinh tế lượng*. TPHCM: NXB Đại học Kinh tế.